

Số: 45 /NQ-HĐND

Hải Phòng, ngày 25 tháng 7 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công
thành phố năm 2025 (sau sắp xếp)

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 29

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Xét Tờ trình số 158/TTr-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công thành phố Hải Phòng năm 2025; các Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh toàn bộ kế hoạch đầu tư công năm 2025 của tỉnh Hải Dương và của thành phố Hải Phòng (trước sắp xếp) vào kế hoạch đầu tư công năm 2025 của thành phố Hải Phòng (sau sắp xếp)

1. Tổng nguồn vốn đầu tư công năm 2025 thành phố quản lý là 39.195,548 tỷ đồng, cụ thể như sau:

a) Vốn ngân sách trung ương là 1.708,220 tỷ đồng, bao gồm:

- Vốn trong nước là 1.596,280 tỷ đồng.

- Vốn nước ngoài là 111,940 tỷ đồng.

b) Vốn ngân sách thành phố và nguồn đóng góp của doanh nghiệp là 37.487,328 tỷ đồng, bao gồm:

- Nguồn xây dựng cơ bản tập trung: 5.053,484 tỷ đồng.

- Nguồn thu tiền sử dụng đất: 28.798,373 tỷ đồng.

- Nguồn xổ số kiến thiết: 108,673 tỷ đồng.

- Nguồn vốn vay: 560,1 tỷ đồng.

+ Nguồn đóng góp của các doanh nghiệp: 329,075 tỷ đồng.

- Nguồn tăng thu ngân sách: 2.637,623 tỷ đồng.

2. Phương án đã phân bổ

a) Nguồn vốn ngân sách trung ương là 1.708,220 tỷ đồng: Ủy ban nhân dân thành phố giao kế hoạch vốn cho dự án còn hạn mức và đã được Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025.

b) Nguồn vốn ngân sách thành phố và nguồn đóng góp của doanh nghiệp là 37.487,328 tỷ đồng, cụ thể như sau:

- Ghi thu ghi chi tiền sử dụng đất và tiền thuê đất là 1.050,000 tỷ đồng.

- Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới và phân cấp cho cấp dưới là 5.253,853 tỷ đồng.

- Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025 là 4.015,930 tỷ đồng.

- Hỗ trợ nhà ở cho hộ gia đình người có công với cách mạng là 49,069 tỷ đồng.

- Cấp vốn điều lệ cho các Quỹ tài chính ngoài ngân sách là 555.0 tỷ đồng.

- Cấp vốn uỷ thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay ưu đãi là 920,290 tỷ đồng.

- Trả nợ vốn vay là 71,634 tỷ đồng.

- Bố trí vốn cho các dự án của thành phố là 25.571,552 tỷ đồng. Trong đó: đã giao chi tiết là 24.849,953 tỷ đồng, chưa giao chi tiết là 721,6 tỷ đồng.

Điều 2. Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2025 của thành phố Hải Phòng (sau sắp xếp)

1. Tổng nguồn vốn đầu tư công năm 2025 thành phố quản lý là 39.298,525 tỷ đồng, cụ thể như sau:

a) Vốn ngân sách trung ương là 1.708,220 tỷ đồng, bao gồm:

- Vốn trong nước là 1.596,280 tỷ đồng.

- Vốn nước ngoài là 111,940 tỷ đồng.

b) Vốn ngân sách thành phố và nguồn đóng góp của doanh nghiệp là 37.590,305 tỷ đồng, bao gồm:

- Nguồn xây dựng cơ bản tập trung: 5.053,484 tỷ đồng.
- Nguồn thu tiền sử dụng đất: 28.798,373 tỷ đồng.
- Nguồn xổ số kiến thiết: 108,673 tỷ đồng.
- Nguồn vốn vay: 190,1 tỷ đồng. Trong đó: vay trái phiếu chính quyền địa phương là 0 đồng.
- Nguồn đóng góp của các doanh nghiệp: 337,422 tỷ đồng.
- Nguồn tăng thu ngân sách: 3.102,252 tỷ đồng.

2. Phương án phân bổ sau điều chỉnh, bổ sung kỳ này

a) Nguồn vốn ngân sách trung ương là 1.708,220 tỷ đồng: Ủy ban nhân dân thành phố giao kế hoạch vốn cho dự án còn hạn mức và đã được Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025.

b) Nguồn vốn ngân sách thành phố và nguồn đóng góp của doanh nghiệp là 37.590,305 tỷ đồng, cụ thể như sau:

- Ghi thu ghi chi tiền sử dụng đất và tiền thuê đất là 1.050,000 tỷ đồng.

Thực hiện theo các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng trước sắp xếp số: 96/NQ-HĐND ngày 06/12/2024; số 13/NQ-HĐND ngày 14/3/2025; số 35/NQ-HĐND ngày 26/6/2025 và các Nghị quyết, Quyết định khác có liên quan.

- Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới và phân cấp cho cấp dưới là 1.855,858 tỷ đồng. Bao gồm: Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách các xã là 1.548,109 tỷ đồng, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách đặc khu Cát Hải là 183,864 tỷ đồng; bổ sung có mục tiêu để thực hiện dự án quan trọng của thành phố cho đặc khu Cát Hải là 96,054 tỷ đồng; Chi đầu tư từ nguồn ngân sách cấp xã được điều tiết và đầu tư cơ sở hạ tầng, kinh phí giải phóng mặt bằng là 27,831 tỷ đồng.

Danh mục các xã và mức vốn bố trí cho các xã (trừ đặc khu Cát Hải): theo các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương trước khi sắp xếp: số 117/NQ-HĐND ngày 11/12/2024; số 04/NQ-HĐND, ngày 20/02/2025; số 14/NQ-HĐND, ngày 28/4/2025; số 34/NQ-HĐND, ngày 26/6/2025 và các Nghị quyết, Quyết định khác có liên quan.

- Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025 là 4.063,204 tỷ đồng. Bao gồm: Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách thành phố cho cấp xã là 74 tỷ đồng; bố trí cho các dự án xây dựng nông thôn mới thành phố quản lý là 3.989,204 tỷ đồng.

Đối với vốn xây dựng nông thôn mới cho các dự án thành phố quản lý là 3.989,204 tỷ đồng để thực hiện 155 dự án, trong đó: 02 dự án xây dựng, phát triển

hạ tầng chợ trên địa bàn tỉnh Hải Dương trước sắp xếp và 153 dự án trên địa bàn thành phố Hải Phòng trước sắp xếp.

Danh mục và mức vốn bố trí cho các xã và 02 dự án dự án xây dựng, phát triển hạ tầng chợ trên địa bàn tỉnh Hải Dương trước sắp xếp: theo các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương trước khi sắp xếp: số 117/NQ-HĐND ngày 11/12/2024; số 04/NQ-HĐND, ngày 20/02/2025; số 14/NQ-HĐND ngày 28/4/2025; số 34/NQ-HĐND ngày 26/6/2025 và các Nghị quyết, Quyết định khác có liên quan.

Danh mục và mức vốn bố trí 153 dự án trên địa bàn thành phố Hải Phòng trước sắp xếp: thực hiện theo Nghị quyết này.

- Hỗ trợ nhà ở cho hộ gia đình người có công với cách mạng là 0 đồng.
- Cấp vốn điều lệ cho các Quỹ tài chính ngoài ngân sách là 555,000 tỷ đồng.

Thực hiện theo các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương trước khi sắp xếp: số 117/NQ-HĐND ngày 11/12/2024; số 04/NQ-HĐND ngày 20/02/2025; số 14/NQ-HĐND ngày 28/4/2025; số 34/NQ-HĐND ngày 26/6/2025; các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng trước sắp xếp số: 96/NQ-HĐND ngày 06/12/2024; số 13/NQ-HĐND ngày 14/3/2025; số 35/NQ-HĐND ngày 26/6/2025 và các Nghị quyết, Quyết định khác có liên quan.

- Cấp vốn uỷ thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay ưu đãi là 920,290 tỷ đồng.

Thực hiện theo các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương trước khi sắp xếp: số 117/NQ-HĐND ngày 11/12/2024; số 04/NQ-HĐND, ngày 20/02/2025; số 14/NQ-HĐND ngày 28/4/2025; số 34/NQ-HĐND ngày 26/6/2025; các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng trước sắp xếp số: 96/NQ-HĐND ngày 06/12/2024; số 13/NQ-HĐND ngày 14/3/2025; số 35/NQ-HĐND ngày 26/6/2025 và các Nghị quyết, Quyết định khác có liên quan.

- Trả nợ vốn vay là 71,634 tỷ đồng.

Thực hiện theo các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương trước khi sắp xếp: số 117/NQ-HĐND ngày 11/12/2024; số 04/NQ-HĐND, ngày 20/02/2025; số 14/NQ-HĐND ngày 28/4/2025; số 34/NQ-HĐND ngày 26/6/2025 và các Nghị quyết, Quyết định khác có liên quan.

- Thanh toán hoàn trả chi phí cho nhà đầu tư do chấm dứt trước thời hạn Hợp đồng Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ ven biển đoạn qua địa bàn thành phố Hải Phòng và 09 km trên địa bàn tỉnh Thái Bình theo hình thức đối tác công tư (PPP) là 1.670,011 tỷ đồng.

- Bố trí vốn cho các dự án thành phố quản lý là 27.404,307 tỷ đồng.

Thực hiện theo các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương trước khi sắp xếp: số 117/NQ-HĐND ngày 11/12/2024; số 04/NQ-HĐND, ngày 20/02/2025; số 14/NQ-HĐND, ngày 28/4/2025; số 34/NQ-HĐND, ngày 26/6/2025;

các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng trước sắp xếp số: 96/NQ-HĐND ngày 06/12/2024; số 13/NQ-HĐND ngày 14/3/2025; số 35/NQ-HĐND ngày 26/6/2025 và các Nghị quyết, Quyết định khác có liên quan.

- Bên cạnh danh mục và mức vốn đã bố trí cho các dự án thành phố quản lý tại các Nghị quyết nêu trên, tại kỳ họp này thành phố thực hiện việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 của 629 dự án do cấp huyện thuộc thành phố Hải Phòng trước sắp xếp quyết định đầu tư và 23 dự án do thành phố quyết định đầu tư và giao cho cấp huyện thuộc thành phố Hải Phòng trước sắp xếp làm chủ đầu tư. Đồng thời thành phố thực hiện việc điều chỉnh vốn của 42 dự án khác do thành phố quyết định đầu tư. Danh mục và mức vốn bố trí cho 694 dự án thực hiện theo Nghị quyết này.

(Chi tiết tại các Phụ lục I, II, III, IV, V kèm theo)

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết này bảo đảm đúng các quy định của pháp luật về đầu tư công, các quy định liên quan đến sắp xếp, tinh gọn tổ chức, bộ máy và các quy định pháp luật khác có liên quan; bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, không thất thoát ngân sách nhà nước.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng khóa XVI, Kỳ họp thứ 29 thông qua ngày 25 tháng 7 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu (Quốc hội);
- Các VP: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Tư pháp;
- TTTU, TT HĐND, UBND TP;
- Đoàn ĐBQH HP;
- Ủy ban MTTQVN TP;
- Đại biểu HĐND TP khóa XVI;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể TP;
- Kho bạc Nhà nước khu vực III;
- TT ĐU, TT HĐND, UBND cấp xã;
- Báo và PTTH HP, Công báo thành phố;
- Công TTĐT TP;
- Lưu: VT, ĐT.

CHỦ TỊCH



Lê Văn Hiệu

PHỤ LỤC I: TỔNG NGUỒN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 45 /NQ-HĐND ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch đầu tư công năm 2025 đã giao				Kế hoạch đầu tư công năm 2025 điều chỉnh kỳ này	Tăng/Giảm (+/-)
		Thành phố Hải Phòng trước sắp xếp	Tỉnh Hải Dương trước sắp xếp	Hải Phòng sau sắp xếp			
		Đã giao tại Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 06/12/2024; Nghị quyết số 35/NQ-HĐND Ngày 26/6/2025	Đã giao tại Nghị quyết số 117/NQ-HĐND ngày 11/12/2024; Nghị quyết số 04/NQ-HĐND, Ngày 20/02/2025; Nghị quyết số 14/NQ-HĐND, Ngày 28/4/2025; Nghị quyết số 34/NQ-HĐND, Ngày 26/6/2025				
I	2	3	4	5	6	7=6-5	
	TỔNG SỐ	25.447.124	13.748.424	39.195.548	39.298.525	102.976	
I	Nguồn ngân sách Trung ương	459.245	1.248.975	1.708.220	1.708.220	0	0
1	Vốn trong nước	459.245	1.137.035	1.596.280	1.596.280	0	0
2	Vốn nước ngoài		111.940	111.940	111.940	0	0
II	Nguồn ngân sách thành phố và nguồn đóng góp của các doanh nghiệp	24.987.879	12.499.449	37.487.328	37.590.305	102.976	
1	Nguồn xây dựng cơ bản tập trung	4.189.964	863.520	5.053.484	5.053.484	0	0
2	Nguồn thu tiền sử dụng đất	18.009.147	10.789.226	28.798.373	28.798.373	0	0
3	Nguồn xổ số kiến thiết	50.000	58.673	108.673	108.673	0	0
4	Vốn vay, bao gồm:	370.000	190.100	560.100	190.100	-370.000	
-	Trái phiếu Chính quyền địa phương	370.000		370.000	0	-370.000	

STT	Nội dung	Kế hoạch đầu tư công năm 2025 đã giao				Kế hoạch đầu tư công năm 2025 điều chỉnh kỳ này	Tăng/Giảm (+/-)
		Thành phố Hải Phòng trước sắp xếp	Tỉnh Hải Dương trước sắp xếp	Hải Phòng sau sắp xếp			
		Đã giao tại Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 06/12/2024; Nghị quyết số 35/NQ-HĐND Ngày 26/6/2025	Đã giao tại Nghị quyết số 117/NQ-HĐND ngày 11/12/2024; Nghị quyết số 04/NQ-HĐND, Ngày 20/02/2025; Nghị quyết số 14/NQ-HĐND, Ngày 28/4/2025; Nghị quyết số 34/NQ-HĐND, Ngày 26/6/2025				
5	Nguồn đóng góp của các doanh nghiệp	329.075			329.075	337.422	8.347
-	DN đóng góp thực hiện dự án đầu tư xây dựng tuyến đê biển Nam Đình Vũ thuộc Khu Kinh tế Đình Vũ - Cát Hải	329.075			329.075	329.075	0
-	DN đóng góp thực hiện các dự án khác				0	8.347	8.347
6	Nguồn tăng thu ngân sách và tiết kiệm chi các năm trước chuyển sang	2.039.693		597.930	2.637.623	3.102.252	464.629

PHỤ LỤC II: PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 45 /NQ-HĐND ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch đầu tư công năm 2025 đã giao			Điều chỉnh kỳ này	Tăng/Giảm (+/-)
		Thành phố Hải Phòng trước sắp xếp	Tỉnh Hải Dương trước sắp xếp	Hải Phòng sau sắp xếp		
		Đã giao tại các Nghị quyết: số 96/NQ- HĐND ngày 06/12/2024; số 13/NQ-HĐND ngày 14/3/2025; số 35/NQ- HĐND ngày 26/6/2025	Đã giao tại các Nghị quyết: số 117/NQ- HĐND ngày 11/12/2024; số 04/NQ- HĐND, ngày 20/02/2025; số 14/NQ- HĐND, ngày 28/4/2025; số 34/NQ- HĐND, ngày 26/6/2025			
	TỔNG SỐ	25.447.124	13.748.424	39.195.548	39.298.525	102.976
I	Nguồn ngân sách trung ương	459.245	1.248.975	1.708.220	1.708.220	0
1	Vốn trong nước	459.245	1.137.035	1.596.280	1.596.280	0
2	Vốn nước ngoài		111.940	111.940	111.940	
II	Nguồn ngân sách thành phố và nguồn đóng góp của các doanh nghiệp	24.987.879	12.499.449	37.487.328	37.590.305	102.976
1	Ghi thu ghi chi tiền sử dụng đất và tiền thuê đất	1.050.000		1.050.000	1.050.000	0
2	Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới và phân cấp cho cấp dưới	3.677.913	1.575.940	5.253.853	1.855.858	-3.397.995
2.1	Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách thành phố cho ngân sách cấp huyện	1.912.456		1.912.456	0	-1.912.456
2.2	Chi đầu tư từ nguồn ngân sách cấp dưới được điều tiết và đầu tư cơ sở hạ tầng, kinh phí giải phóng mặt bằng	1.459.656	27.831	1.487.487	27.831	-1.459.656
2.3	Bổ sung có mục tiêu cho huyện Thủy Nguyên và huyện An Dương	193.714		193.714	0	-193.714
-	Huyện Thủy Nguyên	87.350		87.350	0	-87.350
-	Huyện An Dương	106.364		106.364	0	-106.364

STT	Nội dung	Kế hoạch đầu tư công năm 2025 đã giao			Điều chỉnh kỳ này	Tăng/Giảm (+/-)
		Thành phố Hải Phòng trước sắp xếp	Tỉnh Hải Dương trước sắp xếp	Hải Phòng sau sắp xếp		
		Đã giao tại các Nghị quyết: số 96/NQ- HDND ngày 06/12/2024; số 13/NQ-HDND ngày 14/3/2025; số 35/NQ- HDND ngày 26/6/2025	Đã giao tại các Nghị quyết: số 117/NQ- HDND ngày 11/12/2024; số 04/NQ- HDND, ngày 20/02/2025; số 14/NQ- HDND, ngày 28/4/2025; số 34/NQ- HDND, ngày 26/6/2025			
2.4	Bổ sung có mục tiêu để thực hiện các nhiệm vụ, dự án quan trọng của thành phố	112.087		112.087	96.054	-16.033
-	Quận Hồng Bàng	16.033		16.033	0	-16.033
-	Huyện Cát Hải	96.054		96.054	0	-96.054
-	Đặc khu Cát Hải			0	96.054	96.054
2.5	Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách thành phố cho ngân sách cấp xã		1.548.109	1.548.109	1.731.973	183.864
-	Đặc khu Cát Hải			0	183.864	183.864
-	Các xã khác		1.548.109	1.548.109	1.548.109	0
3	Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	3.926.430	89.500	4.015.930	4.063.204	47.274
-	Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách thành phố cho ngân sách cấp huyện	3.926.430		3.926.430		-3.926.430
-	Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách thành phố cho cấp xã		74.000	74.000	74.000	0
-	Các dự án Xây dựng nông thôn mới thành phố quản lý		15.500	15.500	3.989.204	3.973.704
4	Hỗ trợ nhà ở cho hộ gia đình người có công với cách mạng	49.069		49.069	0	-49.069
5	Cấp vốn điều lệ cho các Quỹ tài chính ngoài ngân sách	5.000	550.000	555.000	555.000	0
6	Cấp vốn ủy thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay ưu đãi	620.290	300.000	920.290	920.290	0
7	Trả nợ vốn vay		71.634	71.634	71.634	0

STT	Nội dung	Kế hoạch đầu tư công năm 2025 đã giao			Điều chỉnh kỳ này	Tăng/Giảm (+/-)
		Thành phố Hải Phòng trước sắp xếp	Tỉnh Hải Dương trước sắp xếp	Hải Phòng sau sắp xếp		
		Đã giao tại các Nghị quyết: số 96/NQ- HĐND ngày 06/12/2024; số 13/NQ-HĐND ngày 14/3/2025; số 35/NQ- HĐND ngày 26/6/2025	Đã giao tại các Nghị quyết: số 117/NQ- HĐND ngày 11/12/2024; số 04/NQ- HĐND, ngày 20/02/2025; số 14/NQ- HĐND, ngày 28/4/2025; số 34/NQ- HĐND, ngày 26/6/2025			
8	Thanh toán hoàn trả chi phí cho nhà đầu tư do chấm dứt trước thời hạn Hợp đồng Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ ven biển đoạn qua địa bàn thành phố Hải Phòng và 09 km trên địa bàn tỉnh Thái Bình theo hình thức đối tác công tư (PPP)				1.670.011	1.670.011
9	Bổ trí vốn cho các dự án thành phố quản lý	15.659.177	9.912.375	25.571.552	27.404.307	1.832.755
9.1	Phân bổ	15.659.177	9.190.776	24.849.953	27.404.307	2.554.355
9.2	Chưa giao chi tiết	0	721.600	721.600	0	-721.600

PHỤ LỤC III: ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 CÁC DỰ ÁN CẤP TỈNH QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ
(Kèm theo Nghị quyết số 45 /NQ-HĐND ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số lượng dự án	STT	Tên dự án	Nghị quyết/Quyết định phê duyệt dự án		Lấy kế vốn đã giao và giải ngân đến hết KHV năm 2024		Năm 2025						Tăng (+)	Giảm (-)
			Số NQ/QĐ	TMDT	Tổng số	Trđ: NSTP và NS cấp huyện	Đã giao năm 2025				Điều chỉnh kỳ này			
							Bao gồm:							
							NSTP, NSTP bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp huyện được điều tiết	Nguồn đầu tư công ngân sách thành phố	Nguồn NSTP bổ sung có mục tiêu cho NS cấp huyện	Nguồn tăng thu ngân sách cấp huyện	NS cấp huyện được điều tiết (không bao gồm vốn ủy thác cho NH chính sách)			
65		TỔNG SỐ		32.681.179	10.033.678	6.789.819	9.889.492	9.724.661	151.196	2.000	11.635	8.830.051	1.608.362	-2.667.803
9	A	CÁC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH GIÁM KẾ HOẠCH VỐN		18.266.702	5.633.925	3.434.493	8.125.654	8.125.654	0	0	0	5.457.851	0	-2.667.803
9	I	Các dự án do Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng quyết định đầu tư trước khi sắp xếp		18.266.702	5.633.925	3.434.493	8.125.654	8.125.654	0	0	0	5.457.851	0	-2.667.803
1	1	Dự án thành phần xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật phục vụ di chuyển các đơn vị Hải quân thuộc Dự án đầu tư xây dựng mở rộng Khu bay - Cảng hàng không quốc tế Cát Bi	847/QĐ-UBND, 24/5/2016; 887/QĐ-UBND, 30/3/2020; 2271/QĐ-UBND, 13/7/2022; 3111/QĐ-UBND, 05/10/2023 4690/QĐ-UBND 29/12/2023	656.345.765	557.412.103	496.289.967	52.790.746	52.790.746				9.790.746		-43.000.000
1	2	Dự án đầu tư xây dựng cầu vượt sông Hòa và đoạn tuyến qua Hải Phòng của tuyến đường bộ từ thành phố Thái Bình đi cầu Nghìn	527/QĐ-UBND, 27/02/2023; 2502/QĐ-UBND, 18/8/2023	760.596.000	452.999.998	452.999.998	253.174.000	253.174.000				153.174.000		-100.000.000
1	3	Dự án đầu tư xây dựng đường vành đai 2 đoạn tuyến Tân Vũ - Hưng Đạo - đường Bùi Viện	709/QĐ-UBND, 21/3/2023; 3247/QĐ-UBND, 16/9/2024	7.020.406.000	750.589.012	750.589.012	4.108.319.356	4.108.319.356				3.218.516.397		-889.802.960
1	4	Dự án đầu tư xây dựng cầu Lai Xuân và cải tạo, mở rộng đường tỉnh 352	QĐ 2272/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 QĐ 2216/QĐ-UBND ngày 01/7/2024	1.334.876.000	924.818.823	924.818.823	397.235.601	397.235.601				97.235.601		-300.000.000
1	5	Dự án cải tạo hệ, đường Nguyễn Bình Khiêm, Lê Lợi và một số tuyến đường nội đô thành phố	QĐ 2378/QĐ-UBND ngày 12/7/2024	408.272.762	86.329.260	86.329.260	261.121.000	261.121.000				111.121.000		-150.000.000
1	6	Dự án đầu tư xây dựng mở rộng tuyến đường bộ ven biển đoạn qua địa bàn thành phố Hải Phòng từ ĐT 353 đến cầu Thái Bình (Km0 - Km19+645)	QĐ 2513/QĐ-UBND ngày 24/8/2020 QĐ 2945/QĐ-UBND ngày 13/10/2021 QĐ 818/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 QĐ 1403/QĐ-UBND ngày 05/5/2025	946.367.201	450.287.023	94.287.023	456.080.177	456.080.177				6.080.177		-450.000.000

Số lượng dự án		STT	Tên dự án	Nghị quyết/Quyết định phê duyệt dự án		Lũy kế vốn đã giao và giải ngân đến hết KHV năm 2024		Năm 2025						Tăng (+)	Giảm (-)	
				Số NQ/QĐ	TMDT	Tổng số	Trđ: NSTP và NS cấp huyện	Đã giao năm 2025				Điều chỉnh kỳ này				
								NSTP, NSTP bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp huyện được điều tiết	Nguồn đầu tư công ngân sách thành phố	Nguồn NSTP bổ sung có mục tiêu cho NS cấp huyện	Nguồn tăng thu ngân sách cấp huyện		NS cấp huyện được điều tiết (không bao gồm vốn ủy thác cho NH chính sách)			
1	7		Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến đường xuyên đảo Cát Hải - Cát Bà (đoạn Cát Viêng - Mốc Trắng)	QĐ 2275/QĐ-UBND ngày 20/11/2007 QĐ 1122/QĐ-UBND ngày 17/6/2009 QĐ 356a/QĐ-UBND ngày 20/02/2017 QĐ 2502/QĐ-UBND ngày 26/9/2017 QĐ 2387/QĐ-UBND ngày 24/8/2021 QĐ 2830/QĐ-UBND ngày 20/9/2023	669.705,000	549.250,444		51.100,000	51.100,000				1.100,000		-50.000,000	
1	8		Dự án đầu tư xây dựng cầu Nguyễn Trãi và chỉnh trang đô thị vùng phụ cận	QĐ 2776/QĐ-UBND ngày 14/9/2023 QĐ 4554/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	6.235.594,000	1.831.088,000	598.029,000	2.389.504,000	2.389.504,000				1.739.504,000			-650.000,000
1	9		Dự án đầu tư xây dựng, tu bổ tôn tạo quần thể di tích bến K15 phường Vạn Hương, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng	QĐ 2381/QĐ-UBND ngày 12/7/2024	234.539,000	31.150,000	31.150,000	156.329,000	156.329,000				121.329,000			-35.000,000
56	B		CÁC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH TĂNG KẾ HOẠCH VỐN		14.414.477	4.399.753	3.355.326	1.763.838	1.599.007	151.196	2.000	11.635	3.372.200	1.608.362		
24	I		Các dự án do Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương quyết định đầu tư trước khi sắp xếp		4.890.708	0	0	1.034.154	1.034.154	0	0	0	1.755.754	721.600		
1	1		Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 393, đoạn từ km10+180-km20+050 (đoạn từ công Ba Đa đến cầu Từ Ổ)	2988, 12/11/2024	176.000,0			80.000,000	80.000,000				100.000,000	20.000,000		
1	2		Đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối Quốc lộ 17B (tỉnh Hải Dương) với đường tỉnh 352 (thành phố Hải Phòng) đoạn từ Quốc lộ 17B đến đê sông Kinh Thầy, thị xã Kinh Môn	2987, 12/11/2024	785.133,0			265.000,000	265.000,000				304.170,939	39.170,939		
1	3		Xây dựng cầu vượt sông Thái Bình và đường dẫn thuộc tuyến đường vành đai 1 thành phố Hải Dương, đoạn từ đường tỉnh 391 đến đường tỉnh 390C	966, 05/4/2025	1.228.240,0			300.000,000	300.000,000				340.000,000	40.000,000		
1	4		Xây dựng một số đoạn đường gom phía Bắc Quốc lộ 5 trên địa bàn huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương	1223, 23/4/2025	400.000,0			45.000,000	45.000,000				85.000,000	40.000,000		

Số lượng dự án			Tên dự án	Nghị quyết/Quyết định phê duyệt dự án		Lũy kế vốn đã giao và giải ngân đến hết KHV năm 2024		Năm 2025						Giảm (-)
				Số NQ/QĐ	TMDT	Tổng số	Trđ: NSTP và NS cấp huyện	Đã giao năm 2025				Điều chỉnh kỳ này	Tăng (+)	
								Bao gồm:						
	STT							NSTP, NSTP bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp huyện được điều tiết	Nguồn đầu tư công ngân sách thành phố	Nguồn NSTP bổ sung có mục tiêu cho NS cấp huyện	Nguồn tăng thu ngân sách cấp huyện	NS cấp huyện được điều tiết (không bao gồm vốn ủy thác cho NH chính sách)		
1	5		Đường gom dọc Quốc lộ 5 phải tuyến từ ngã tư Ghề di Ngã tư Lai Cách (Km40+240-Km43+870) các đoạn còn lại và từ Khu đô thị thương mại Lai Cách đến hết Công ty giấy Cẩm Bình bên trái tuyến (Km44+205- Km44+795)	1224, 23/4/2025	345.221,0			50.000,000	50.000,000				100.000,000	50.000,000
1	6		Xây dựng mới nhà lớp học, nhà hiệu bộ, cải tạo nhà lớp học cũ trường THPT Bình Giang, huyện Bình Giang	2706, 18/10/2024	67.007,0			20.000,000	20.000,000				40.000,000	20.000,000
1	7		Xây mới các khối nhà cấp cứu, nghiệp vụ kỹ thuật và căn lâm sàng, nghiệp vụ kỹ thuật, căn lâm sàng và nội trú, khám, hành chính, nghiệp vụ kỹ thuật và nội trú, Bệnh viện Đa khoa tỉnh	963, 04/4/2025	736.800,0			100.000,000	100.000,000				150.000,000	50.000,000
1	8		Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Phú Điền, huyện Nam Sách (đoạn từ góc đả thôn Kim Khê đi thôn Đông Nghĩa, xã An Lãm)	511 (11/3/2024)	8.500,000			600,000	600,000				1.032,032	432,032
1	9		Đường giao thông kết nối xã Thanh Quang - An Bình (đoạn từ QL183 cũ thuộc xã Thanh Quang đến công cụ Dầu, xã An Bình)	523 (12/3/2024)	14.950,000			3.500,000	3.500,000				5.071,373	1.571,373
1	10		Nhà thể thao đa năng huyện và các hạng mục phụ trợ	3792 (30/12/2022)	73.500,000			21.176,000	21.176,000				21.576,000	400,000
1	11		Xây dựng đường ngoài để phục vụ sản xuất tại xã Thái Tân (05 tuyến) và xã Minh Tân (02 tuyến)	3972 (05/12/2024)	5.326,321			4.000,000	4.000,000				4.600,000	600,000
1	12		Cải tạo nâng cấp đường liên xã Đông Lạc- An Phú (đoạn từ QL37 đến công chầu thôn Lâm Xuyên, xã An Phú)	1844 (06/5/2025)	14.500,000			10.962,066	10.962,066				12.562,066	1.600,000
1	13		Đầu tư mở rộng đường dẫn đầu cầu Hàn, đoạn từ đầu cầu Hàn (phía huyện Nam Sách) đến nút giao ĐT.390 và xây dựng tuyến mới nối nút giao ĐT.390 đến QL18 (phần kỹ đầu tư 1/2 quy mô đường theo quy hoạch được duyệt tuyến mới nối nút giao ĐT.390D đến cầu Tân An)	2693 (29/11/2023)	468.000,000			109.064,694	109.064,694				136.864,694	27.800,000

Số lượng dự án		STT	Tên dự án	Nghị quyết/Quyết định phê duyệt dự án		Lũy kế vốn đã giao và giải ngân đến hết KHV năm 2024		Năm 2025					Tăng (+)	Giảm (-)	
				Số NQ/QĐ	TMDT	Tổng số	Trđ: NSTP và NS cấp huyện	Đã giao năm 2025				Điều chỉnh kỳ này			
								NSTP, NSTP bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp huyện được điều tiết	Nguồn đầu tư công ngân sách thành phố	Nguồn NSTP bổ sung có mục tiêu cho NS cấp huyện	Nguồn tăng thu ngân sách cấp huyện	NS cấp huyện được điều tiết (không bao gồm vốn ủy thác cho NH chính sách)	NSTP		
1	14		Hà tăng kỹ thuật chỉnh trang khu dân cư thôn Nhân Lễ, xã Đông Lạc, huyện Nam Sách	975 (04/3/2025)	25.000,000			700,000	700,000				15.000,000	14.300,000	
1	15		Hà tăng kỹ thuật điểm dân cư phía Nam, thôn Đầo Bến (giai đoạn 1), xã Hợp Tiến	1854 (9/5/2025)	48.300,000			800,000	800,000				17.000,000	16.200,000	
1	16		Hà tăng kỹ thuật điểm dân cư mới thôn Kinh Dương, xã Hiệp Cát (giáp sản thế thao)	1853 (9/5/2025)	42.200,000			1.000,000	1.000,000				11.000,000	10.000,000	
1	17		Xây dựng phòng học các trường Tiểu học trên địa bàn huyện Tứ Kỳ: Hàng mục Nhà học 2 tầng 4 phòng trường Tiểu học Minh Đức (thiết kế móng xây dựng 03 Hùng Đạo, điểm trường thôn Xuân Néo, Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng (thiết kế móng xây dựng 3 tầng) trường Tiểu học Quảng Nghiệp và Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng (thiết kế móng xây dựng 3 tầng) trường Tiểu học Thị trấn Tứ Kỳ, huyện Tứ Kỳ	1380/QĐ-UBND ngày 03/5/2024	15.640,861			5.678,000	5.678,000				8.644,000	2.966,000	
1	18		Xây dựng phòng học thiếu tại các cơ sở giáo dục trung học cơ sở, hàng mục: Nhà học 2 tầng 6 phòng trường THCS Minh Đức (thiết kế móng xây dựng 03 tầng), Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng (thiết kế móng xây dựng 03 tầng) và Nâng tầng 3 nhà lớp học 2 tầng 10 phòng trường THCS Đại Sơn (điểm trường thôn Nghĩa Xá), huyện Tứ Kỳ	1381/QĐ-UBND ngày 03/5/2024	21.420,000			2.021,000	2.021,000				12.315,000	10.294,000	
1	19		Xây dựng Trụ sở làm việc CA xã An Thanh, huyện Tứ Kỳ	19/QĐ-UBND ngày 05/4/2024	5.628,233			500,000	500,000				1.198,000	698,000	
1	20		Xây dựng Trụ sở làm việcCA thị trấn Tứ Kỳ, huyện Tứ Kỳ	19a/QĐ-UBND ngày 05/4/2024	8.353,823			500,000	500,000				2.640,000	2.140,000	
1	21		Xây dựng phòng học thiếu tại các cơ sở giáo dục mầm non, hàng mục: Nhà lớp học 3 tầng 6 phòng trường Mầm non Đại Sơn và Nhà lớp học 1 tầng 4 phòng (thiết kế móng xây dựng 02 tầng) trường Mầm non Tiên Đồng	1414/QĐ-UBND ngày 08/5/2024	18.330,000			5.388,000	5.388,000				11.388,000	6.000,000	

Số lượng dự án	STT	Tên dự án	Nghị quyết/Quyết định phê duyệt dự án		Lấy kế vốn đã giao và giải ngân đến hết KHV năm 2024		Năm 2025						Điều chỉnh kỳ này	Tăng (+)	Giảm (-)
			Số NQ/QĐ	TMDT	Tổng số	Trđ: NSTP và NS cấp huyện	Đã giao năm 2025								
							Bao gồm:								
								NSTP, NSTP bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp huyện được điều tiết	Nguồn đầu tư công ngân sách thành phố	Nguồn NSTP bổ sung có mục tiêu cho NS cấp huyện	Nguồn tăng thu ngân sách cấp huyện	NS cấp huyện được điều tiết (không bao gồm vốn ủy thác cho NH chính sách)	NSTP		
1	22	Xây dựng Khu dân cư mới thôn Tắt Thượng, xã Công Lạc, huyện Từ Kỳ (giai đoạn 1 - phục vụ tái định cư).	3817/QĐ-UBND ngày 08/11/2024	14.629,406				2.885,000	2.885,000				10.285,000	7.400,000	
1	23	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật vùng nuôi trồng thủy sản tập trung xã Quang Khái, huyện Từ Kỳ	591/QĐ-UBND ngày 24/02/2025	8.379,850				5.379,000	5.379,000				8.379,000	3.000,000	
1	24	Dự án Mua sắm trang thiết bị y tế tại 04 bệnh viện tuyến tỉnh (Bệnh viện đa khoa tỉnh, Bệnh viện Phổi, Bệnh viện Nhi, Bệnh viện Phụ sản)	2577/QĐ-UBND, 27/6/2025	359.648,010									357.027,454	357.027,454	
32	II	Các dự án do Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng quyết định đầu tư trước khi sắp xếp		9.523,769	4.399,753	3.355,326		729,684	564,854	151,196	2.000	11,635	1.616,447	886,762	
28	II.1	Vốn thực hiện dự án		9.430,784	4.395,886	3.351,458		724,484	564,854	145,996	2.000	11,635	1.539,987	815,502	
1	1	Dự án đầu tư xây dựng mở rộng Khu bay - Cảng hàng không quốc tế Cát Bi	252/QĐ-STC, ngày 24/6/2025 (quyết toán chi phí đã thực hiện)	3.117.779,899	2.993.942,996	1.949.515,623							128.784,340	128.784,340	
1	2	Dự án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng thuộc Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng trên địa bàn các xã Kiến Thụy, Kiến Minh, Kiến Hải, thành phố Hải Phòng	2807/QĐ-UBND, 07/07/2025	2.091.136,000									400.000,000	400.000,000	
1	3	Dự án mặt do Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và hạ tầng Hải Phòng làm chủ đầu tư	179/QĐ-UBND, 27/6/2025	295.300,000	3.000,000	3.000,000							10.000,000	10.000,000	
1	4	Dự án đầu tư nâng cao năng lực thoát nước mưa khu vực Trung Lục, Lục Hành, Nguyễn Đồn, phường Đằng Lâm, quận Hải An	1961/QĐ-UBND, 23/6/2025	116.933,536	0,000	0,000		1.641,000	1.641,000				38.359,000	36.718,000	

Số lượng dự án	Số STT dự án	Tên dự án	Nghị quyết/Quyết định phê duyệt dự án		Lũy kế vốn đã giao và giải ngân đến hết KHV năm 2024		Năm 2025						Điều chỉnh kỳ này	Tăng (+)	Giảm (-)
			Số NQ/QĐ	TMĐT	Tổng số	Trđ: NSTP và NS cấp huyện	Đã giao năm 2025								
							NSTP, NSTP bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp huyện được điều tiết	Nguồn đầu tư công ngân sách thành phố	Nguồn NSTP bổ sung có mục tiêu cho NS cấp huyện	Nguồn tăng thu ngân sách cấp huyện	NS cấp huyện được điều tiết (không bao gồm vốn ủy thác cho NH chính sách)				
1	5	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ Khu đô thị Bắc sông Cẩm tới đường Khu công nghiệp VSIP sang đảo Vũ Yên	2365/QĐ-UBND, 27/6/2025	1.059.264,529				1.975,399	1.975,399				101.975,399	100.000,000	
1	6	Dự án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng trên địa bàn đặc khu Cát Hải thuộc Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng	2890/QĐ-UBND, 18/7/2025	159.355,300									140.000,000	140.000,000	
1	7	Dự án Đầu tư nâng cấp, cải tạo tuyến đường PCLB và trục liên xã Bắc Hưng - Nam Hưng - Đông Hưng - Tây Hưng (Đoạn từ ngã ba Quán Cháy đi Công C4)	101/QĐ-STC ngày 28/3/2025	146.773,469	144.117,569	144.117,569	144.117,569	3.736,181	0,000	3.736,181		3.736,181	0,000	0,000	
1	8	Dự án xây dựng tuyến đường bao phía Nam kênh Huyện Đồi thị trấn Tiên Lãng (đoạn từ đường 354 đến đường 212)	2987/QĐ-UBND ngày 15/10/2021	129.882,000	105.005,700	105.005,700	105.005,700	10.876,300	9.866,000	1.010,300		10.876,300	0,000	0,000	
1	9	Dự án đầu tư xây dựng Dải cây xanh cách ly thuộc khu đường sắt Hà Nội - Hải Phòng trên địa bàn phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng	2322/QĐ-UBND ngày 09/7/2024	97.470,166	79.103,810	79.103,810	79.103,810	4.683,185	0,000	0,000		4.683,185	0,000	0,000	
1	10	Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm Hành chính - Chính trị Quận Ngô Quyền	3544/QĐ-UBND ngày 25/11/2020; 3540/QĐ-UBND ngày 04/10/2024	251.910,049	228.784,274	228.784,274	228.784,274	17.610,000	10.010,000	7.600,000		17.610,000	0,000	0,000	
1	11	Dự án xây dựng vườn hoa tại khu vực ngã Quyền	2768/QĐ-UBND ngày 01/8/2024	77.939,000	2.310,000	2.310,000	2.310,000	75.629,000	62.351,200	13.277,800		75.629,000	0,000	0,000	
1	12	Dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật tại khu vực các chung cư Vạn Mỹ và 311 Đa Nắng, Quận Ngô Quyền	1613/QĐ-UBND ngày 28/5/2025	582.863,937	800,000	800,000	800,000	280.439,012	280.000,000	439,012		280.439,012	0,000	0,000	
1	13	Dự án đầu tư xây dựng Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Kênh Dương	1768/QĐ-UBND, 26/6/2023	245.814,659	168.728,732	168.728,732	168.728,732	51.657,932	35.295,000	16.362,932		51.657,932	0,000	0,000	
1	14	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất tại định cư phục vụ giải phóng mặt bằng thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố	1857/QĐ-UBND, 06/9/2016 3987/QĐ-UBND, 30/12/2020 3554/QĐ-UBND, 02/11/2023 459/TB-UBND, 13/12/2023	139.025,000	99.215,637	99.215,637	99.215,637	5.066,879	0,000	5.066,879		5.066,879	0,000	0,000	
1	15	Dự án đầu tư xây dựng Vườn hoa tại khu vực đường vòng Cầu Niệm	1532/QĐ-UBND ngày 15/05/2024	61.697,565	350,000	350,000	350,000	31.989,513	20.000,000	9.981,602		31.989,513	0,000	0,000	
1	16	Xây dựng Công viên xung quanh nhà máy xử lý nước thải Vĩnh Niệm, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân	684/QĐ-UBND ngày 15/03/2024	37.813,960	11.183,000	11.183,000	11.183,000	13.115,587	10.000,000	3.115,587		13.115,587	0,000	0,000	

Số lượng dự án	STT	Tên dự án	Nghị quyết/Quyết định phê duyệt dự án		Lấy kế vốn đã giao và giải ngân đến hết KHV năm 2024		Năm 2025						Tăng (+)	Giảm (-)
			Số NQ/QĐ	TMDT	Tổng số	Trđ: NSTP và NS cấp huyện	Đã giao năm 2025				Điều chỉnh kỳ này			
							NSTP, NSTP bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp huyện được điều tiết	Nguồn đầu tư công ngân sách thành phố	Nguồn NSTP bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện	NS cấp huyện được điều tiết (không bao gồm vốn ủy thác cho NH chính sách)				
1	17	Dự án vườn hoa tại phường Đằng Hải, quận Hải An	số QĐ 813/QĐ-UBND ngày 31/3/2023	28.905,568	15.818,642	15.818,642	8.099,967	7.039,879	0,000	1.060,088		8.099,967	0,000	
1	18	Dự án vườn hoa tại phường Thanh Tô, quận Hải An	1009/QĐ-UBND ngày 03/4/2024	21.208,317	357,793	357,793	20.058,231	16.174,424	0,000	3.883,807		20.058,231	0,000	
1	19	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư tại tổ dân phố Phương Khê, phường Đồng Hòa, quận Kiến An	2266/QĐ-UBND ngày 12/7/2022; 452/QĐ-UBND ngày 21/02/2025	86.971,000	76.131,544	76.131,544	4.940,500	4.536,000	404,500			4.940,500	0,000	
1	20	Đường nối đường Nguyễn Lương Bằng với đường Trần Nhân Tông, quận Kiến An	600/QĐ-UBND ngày 08/3/2023; 4122/QĐ-UBND ngày 12/11/2024	218.327,000	176.314,200	176.314,200	38.150,034	12.635,034	25.515,000			38.150,034	0,000	
1	21	Vườn hoa hồ Hạnh Phúc, phường Trần Thanh Ngạc, quận Kiến An	2679/QĐ-UBND ngày 06/9/2023;885/QĐ-UBND ngày 12/3/2025	79.970,000	63.976,000	63.976,000	19.193,602	4.000,000	15.193,602			19.193,602	0,000	
1	22	Vườn hoa phường Phú Liên, quận Kiến An	2701/QĐ-UBND ngày 08/9/2023; 883/QĐ-UBND ngày 12/3/2025	25.940,000	19.652,000	19.652,000	8.276,932	3.500,000	4.776,932			8.276,932	0,000	
1	23	Vườn hoa phường Nam Sơn, quận Kiến An	2938/QĐ-UBND ngày 28/9/2023; 884/QĐ-UBND ngày 12/3/2025	10.540,000	7.342,069	7.342,069	2.129,499	1.000,000	1.129,499			2.129,499	0,000	
1	24	Đầu tư giải phóng mặt bằng Tòa án nhân dân quận Kiến An giai đoạn II, làm sân, đường vào công, tường rào	58/QĐ-UBND ngày 8/1/2020, 4105/QĐ-UBND ngày 12/11/2024	42.895,000	30.140,102	30.140,102	1.225,898	0,000	1.225,898			1.225,898	0,000	
1	25	Dự án xây dựng công viên cây xanh, quảng trường tại khu trung tâm hành chính quận, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh	3529/QĐ-UBND, 04/10/2024	52.537,000	980,000	980,000	51.457,000	42.029,600	9.427,400			51.457,000	0,000	
1	26	Dự án xây dựng vườn hoa tại tổ dân phố số 3, phường Hòa Nghĩa, quận Dương Kinh	4456/QĐ-UBND, 28/11/2024	23.500,000	300,000	300,000	23.200,000	18.800,000	2.400,000	2.000,000		23.200,000	0,000	
1	27	Dự án cải tạo, chỉnh trang Công viên Đàm Vương, phường Hải Sơn, quận Đồ Sơn	147/QĐ-UBND ngày 16/01/2024	68.350,000	20.779,283	20.779,283	36.204,000	24.000,000	12.204,000			36.204,000	0,000	
1	28	Dự án Đông mới tàu thủy chở khách và hàng hóa ra đảo Bạch Long Vĩ	1191/QĐ-UBND-31/7/2012, 333/QĐ-UBND-14/2/2020	160.681,000	147.552,410	147.552,410	13.128,590		13.128,590			13.128,590	0,000	
4	II.2	Vốn chuẩn bị đầu tư		92.985	3.868	3.868	5.200	0	5.200	0	0	76.460	71.260	

Số lượng dự án	STT	Tên dự án	Nghị quyết/Quyết định phê duyệt dự án		Lũy kế vốn đã giao và giải ngân đến hết KHV năm 2024		Năm 2025					Tăng (+)	Giảm (-)	
			Số NQ/QĐ	TMDT	Tổng số	Trđ: NSTP và NS cấp huyện	Đã giao năm 2025				Điều chỉnh kỳ này			
							NSTP, NSTP bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp huyện được điều tiết	Bao gồm:						NSTP
						Nguồn đầu tư công ngân sách thành phố		Nguồn NSTP bổ sung có mục tiêu cho NS cấp huyện	Nguồn tăng thu ngân sách cấp huyện	NS cấp huyện được điều tiết (không bao gồm vốn ủy thác cho NH chính sách)				
1	1	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư trên địa bàn quận Kiến An phục vụ các dự án giai đoạn 2026-2030 (chưa bị đầu tư)	296/QĐ-UBND ngày 03/3/2025	5.200,000				5.200,000	0,000	5.200,000		5.200,000	0,000	
1	2	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường nội Quốc lộ 5 với Quốc lộ 10 đoạn qua địa bàn quận Kiến An	NQ 30/NQ-HĐND ngày 19/6/2025; 370/QĐ-BQL ngày 19/6/2025 phê duyệt dự toán CBĐT	11.643,546	641,810	641,810						11.000,000	11.000,000	
1	3	Dự án “Phát triển thành phố Hải Phòng thích ứng với biến đổi khí hậu”	QĐ 1446 QĐ-TTg ngày 30/6/2025; 442/QĐ-BQL ngày 08/7/2025 phê duyệt dự toán CBĐT	75.866,805	3.225,700	3.225,700						60.000,000	60.000,000	
1	4	Dự án chỉnh trang sông đào Hạ Lý từ cầu Thương Lý đến cầu Tam Bạc, phường Thương Lý, quận Hồng Bàng	38/QĐ-BQLDD, 07/02/2025 phê duyệt dự toán CBĐT	275,025								260,000	260,000	